

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-ST
Ngày 20 tháng 10 năm 2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Nguyên
2. Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Anh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 379/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 401/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị Thu N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tống Thị Thu N: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm B, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 4 năm 2022. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đặng Văn K trình bày:

Qua giới thiệu nên bà Tống Thị Thu N biết bà Dương Thị Ngọc T và có cho bà T vay 2.550.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng). Việc vay nợ được xác lập bằng Biên nhận do bà T ký tên, ghi họ tên ngày 22/3/2022. Hai bên thỏa thuận bên ngoài lãi suất 3%/ngày. Thời hạn vay 1 tuần. Mục đích vay để bà T đáo hạn Ngân hàng. Bà N đã giao đủ tiền vay cho bà T theo biên nhận. Sau khi nhận tiền vay bà T không trả lãi hàng ngày cho bà N như thỏa thuận, hết hạn vay 1 tuần bà T cũng không trả vốn 2.550.000.000 đồng cho bà N.

Sau đó, ngày 27/3/2022 bà T thỏa thuận trả cho bà N 5.500.000 đồng tiền lãi trên nợ gốc 2.550.000.000 đồng và hỏi mượn thêm 502.000.000 đồng, được bà N đồng ý. Bà T hẹn đến ngày 10/4/2022 sẽ trả hết số nợ 3.052.000.000 đồng. Nhưng sau đó bà T chỉ trả được 1.000.000.000 đồng, còn nợ 2.052.000.000 đồng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả nợ vốn 2.052.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận nợ ngày 22/3/2022 có mặt sau biên nhận do bà Dương Thị Ngọc T xác nhận trả nợ vào ngày 10/4/2022.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị Ngọc T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Thu N. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết. Thủ tục tố tụng đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Thu N. Buộc bị đơn bà Dương Thị Ngọc T trả cho bà N 2.052.000.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Tống Thị Thu N khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà T cư ngụ tại khóm Đ, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của bà N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị Ngọc T.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Bà Tống Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Ngọc T có trách nhiệm trả nợ vốn 2.052.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà N là bản chính Biên nhận nợ ngày 22/3/2022 do bà T ký tên, có mặt sau biên nhận do bà Dương Thị Ngọc T xác nhận trả nợ vào ngày 10/4/2022.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, nhận thấy, theo Biên nhận nợ ngày 22/3/2022 thể hiện nội dung bà T vay 2.550.000.000đ (Hai tỷ, năm trăm, năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay 1 tuần. Thỏa thuận, khi đến hạn trả nợ không trả được sẽ giao đất trả nợ. Sau đó, bà T vay thêm và trả lãi cho bà N được 5.500.000 đồng, hạn ngày 10/4/2022 bà T trả hết 2 khoản nợ với số tiền 3.052.000.000 đồng. Nhưng sau đó bà T chỉ trả được 1.000.000.000 đồng, còn nợ 2.052.000.000 đồng.

Xét, giao dịch dân sự giữa bà N và bà T xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3]. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 08 tháng 9 năm 2022 thể hiện: Bà Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Bà Dương Thị Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên.

[4]. Quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà T vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà N theo các văn bản tố tụng của Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T trong vụ án này. Tại phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do

là bà T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, bà T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo các văn bản tố tụng của Tòa án để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, đó là: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Biên nhận nợ ngày 22/3/2022 do bà T ký tên, có mặt sau biên nhận do bà T xác nhận trả nợ vào ngày 10/4/2022 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Thu N buộc bà Dương Thị Ngọc T chịu trách nhiệm trả bà N số tiền còn nợ 2.052.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, năm mươi hai triệu đồng), như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận bà N không nhận thể chấp diện tích đất của bà T như nội dung Biên nhận nợ ngày 22/3/2022 thể hiện.

Về lãi suất, bà N không yêu cầu bà T trả lãi đối với số tiền còn nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà N có lợi cho bà T là bị đơn và phù hợp quy định của luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T có nghĩa vụ chịu 73.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà N 2.052.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm, năm mươi hai triệu đồng).

Yêu cầu khởi kiện của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Thu N đối với bà Dương Thị Ngọc T.

Buộc bà Dương Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Tống Thị Thu N số tiền 2.052.000.000đ (Hai tỷ, không trăm, năm mươi hai triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Dương Thị Ngọc T phải chịu 73.040.000 đồng (Bảy mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tống Thị Thu N được nhận lại 36.520.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001436, ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa